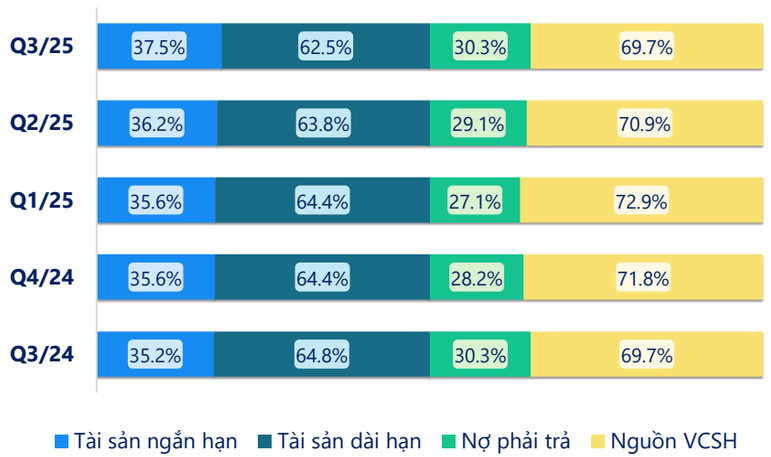
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP (UPCOM: PRT)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	11,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,572
SL cổ phiếu LH	300,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,200
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,450
P/E	38.9
EPS	296

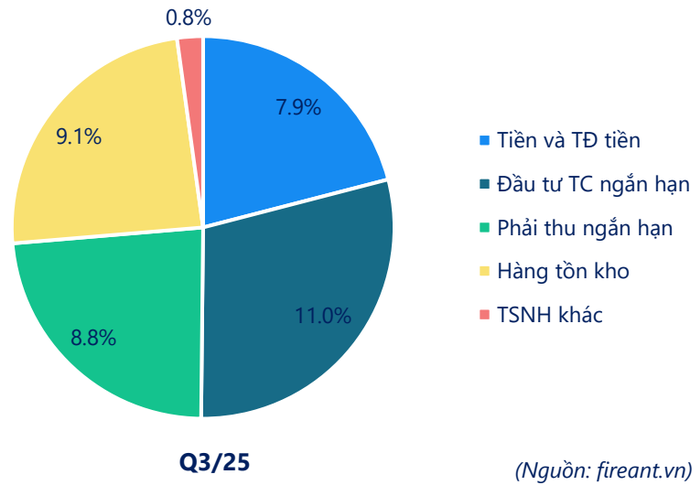
	YTD	1T	3T	6T
PRT	24.3%	5.4%	16.9%	11.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



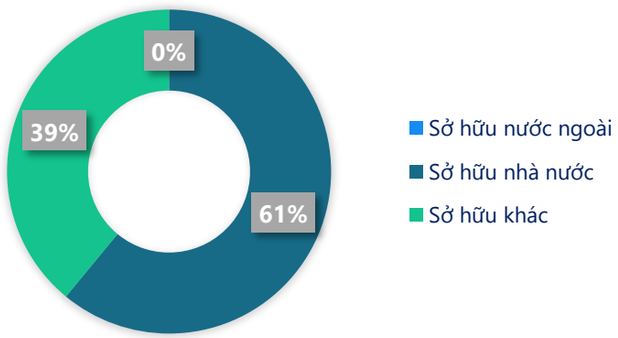
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



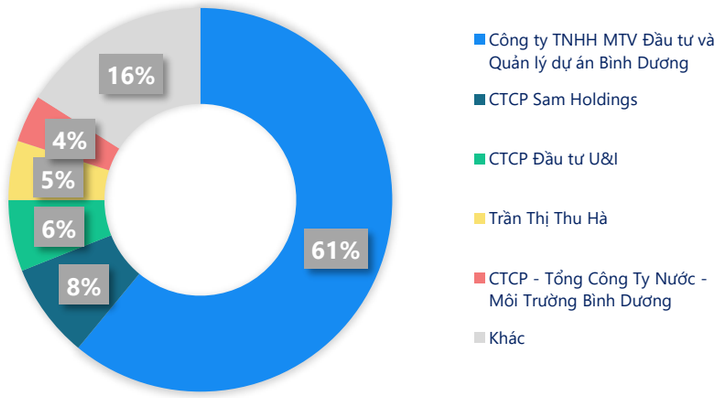
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



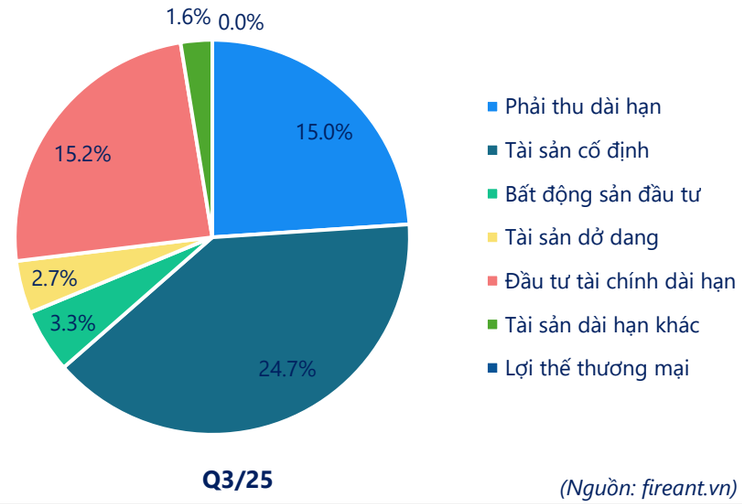
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

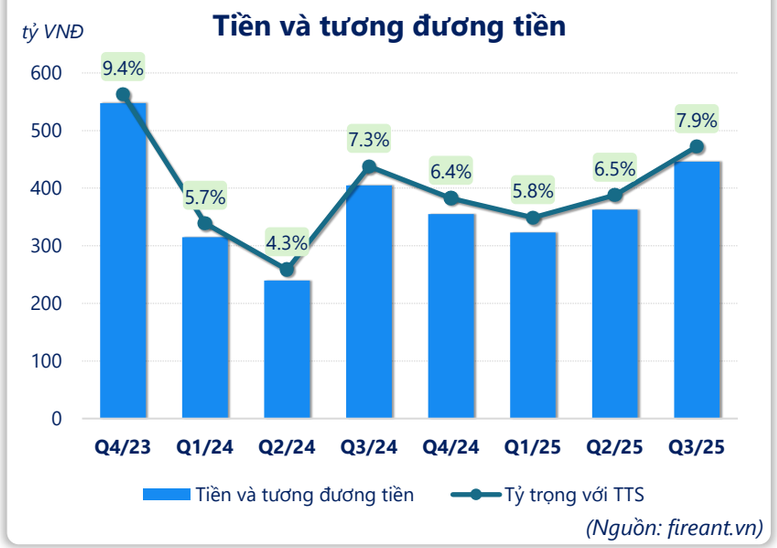


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

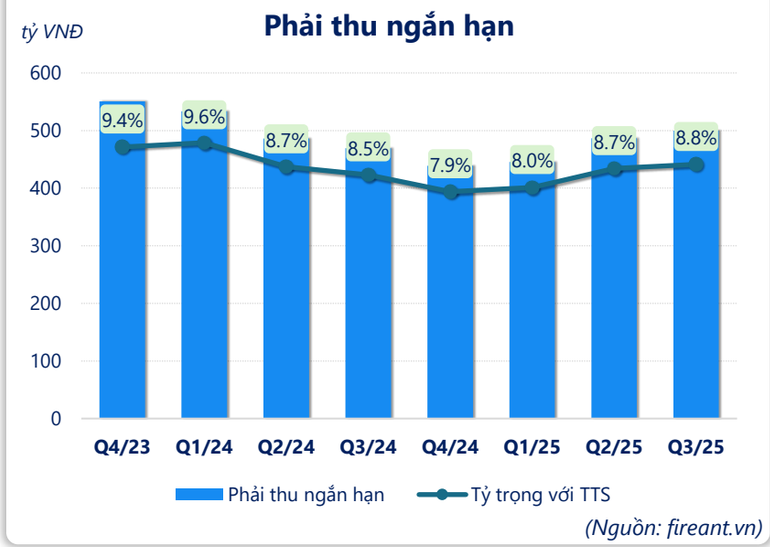
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP (UPCOM: PRT)

Tiền và tương đương tiền



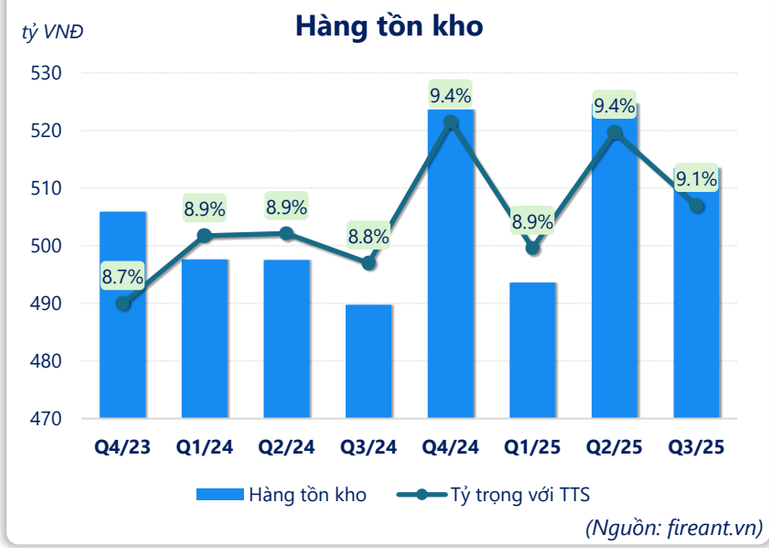
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



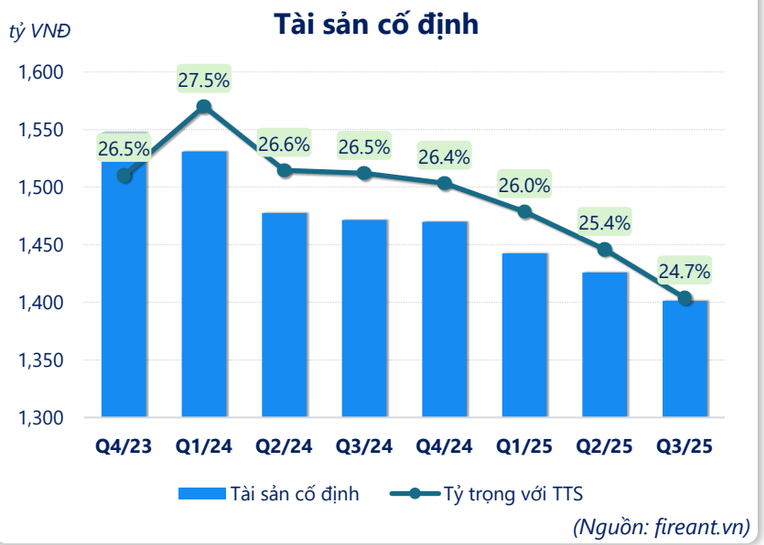
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



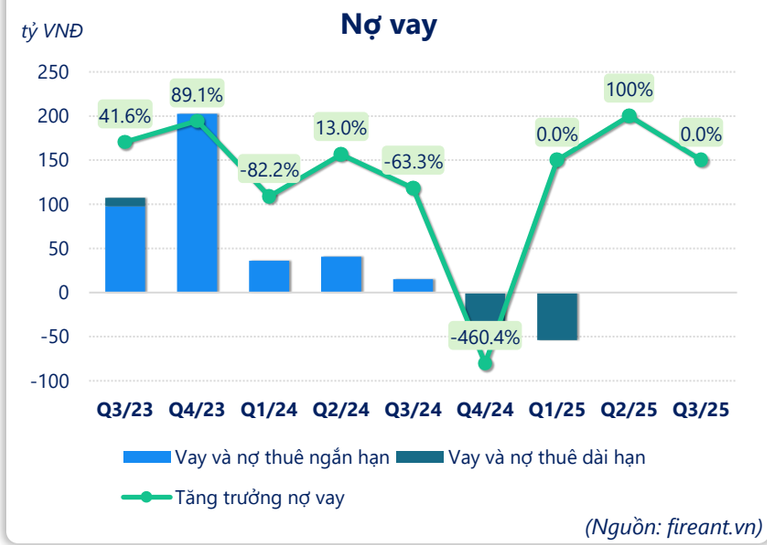
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



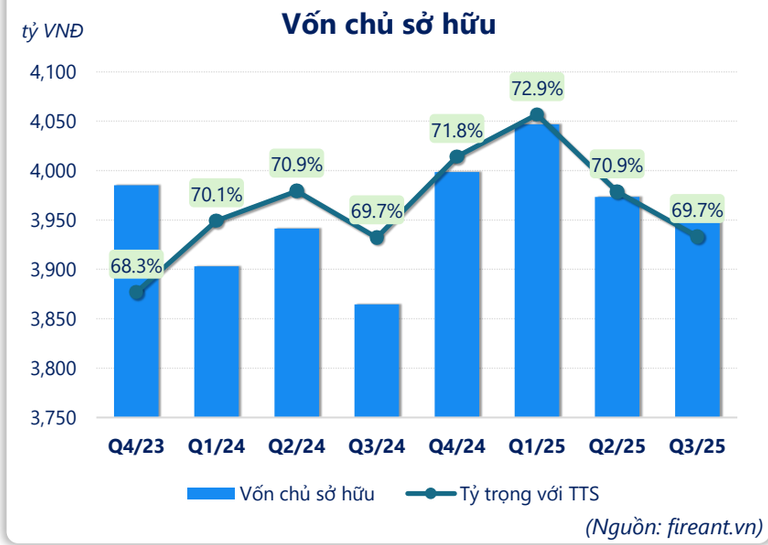
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

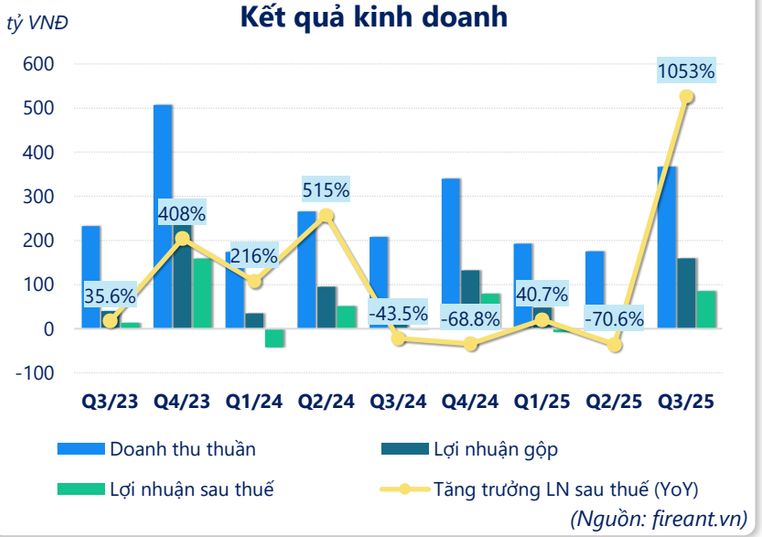
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

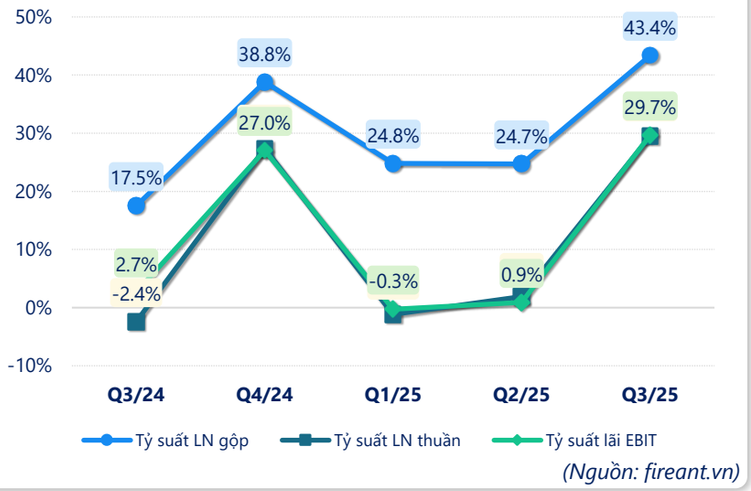
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP (UPCOM: PRT)

Kết quả kinh doanh



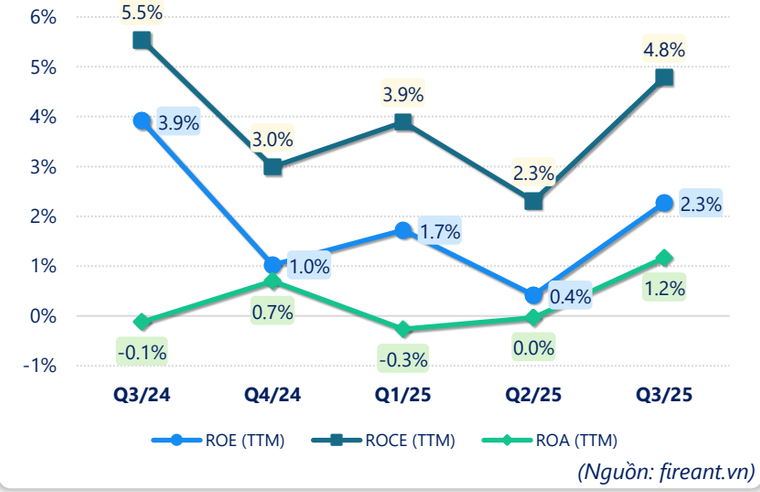
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



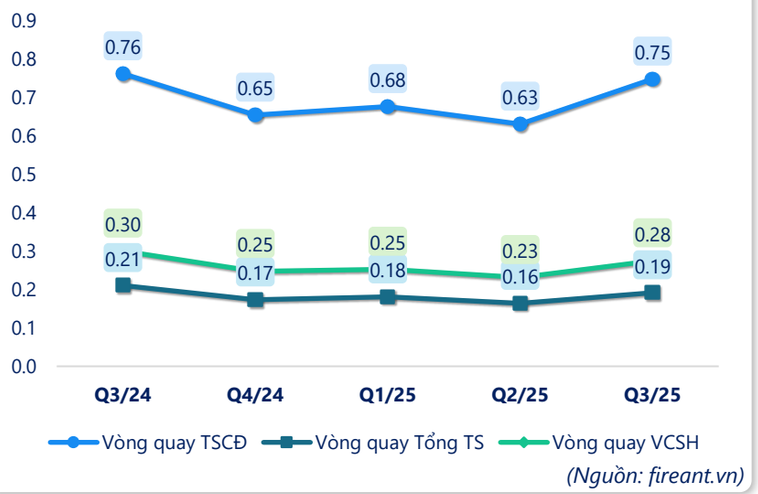
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



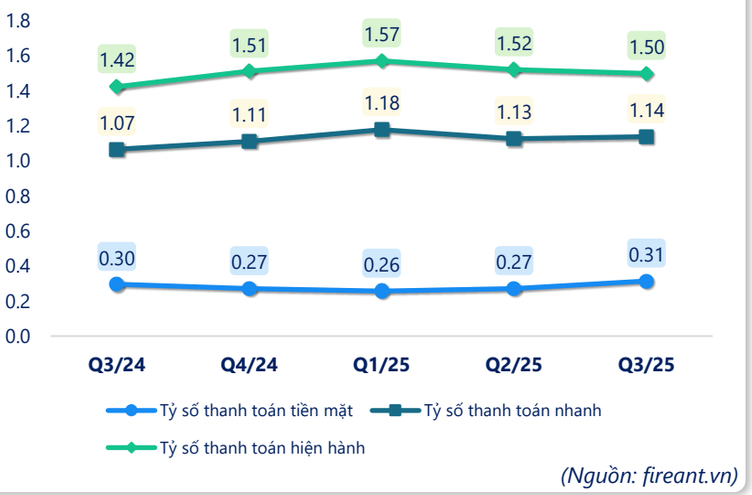
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



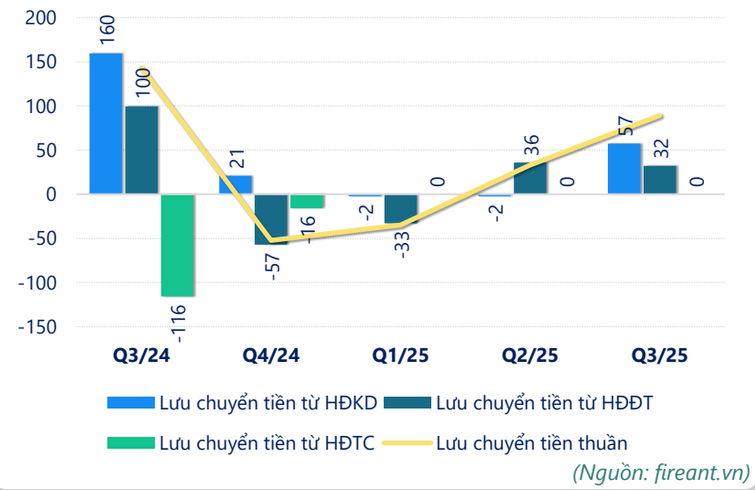
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP (UPCOM: PRT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,666**	**5,572**	**1.7%**
Tài sản ngắn hạn	2,127	1,958	8.7%
Tiền và tương đương tiền	446	355	25.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	621	622	-0.2%
Phải thu ngắn hạn	500	442	13.1%
Hàng tồn kho	514	498	3.2%
Tài sản ngắn hạn khác	46.5	40.5	14.9%
Tài sản dài hạn	**3,539**	**3,614**	**-2.1%**
Phải thu dài hạn	848	901	-5.9%
Tài sản cố định	1,401	1,469	-4.6%
Bất động sản đầu tư	184	187	-1.3%
Tài sản dở dang	153	131	16.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	862	833	3.5%
Tài sản dài hạn khác	**91.2**	**93.6**	**-2.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,716	1,586	8.2%
Nợ ngắn hạn	**1,418**	**1,286**	**10.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	17.3	25.4	-31.7%
Nợ dài hạn	298	300	-0.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	202	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,950**	**3,985**	**-0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**3,950**	**3,985**	**-0.9%**
Vốn điều lệ	3,000	3,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	208	340	192	175	367
Giá vốn hàng bán	172	208	145	132	208
Lợi nhuận gộp	36.4	132	47.8	43.3	159
Doanh thu HĐTC	22.8	-0.81	11.7	11.8	13.0
Chi phí TC	20.8	-17.8	1.90	4.36	2.25
Chi phí lãi vay	7.81	0.92	1.58	-1.58	0
LN trong công ty LKLD	13.9	32.0	3.50	17.6	5.20
Chi phí bán hàng	8.24	10.3	6.59	5.66	12.2
Chi phí QLDN	49.1	77.5	56.7	59.3	54.6
LN thuần từ HĐKD	-5.05	93.1	-2.20	3.32	108
Lợi nhuận khác	2.81	-2.24	0.09	-0.20	0.56
LN trước thuế	-2.24	90.9	-2.11	3.12	109
Lợi nhuận sau thuế	-1.48	79.2	-7.75	0.82	85.3
LNST của CĐ cty mẹ	-6.65	39.8	-14.6	-1.86	65.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	160	20.8	-2.24	-2.39	57.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	99.5	-57.2	-32.7	35.6	32.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-116	-16.0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	239	405	355	323	362
Lưu chuyển tiền thuần	**143**	**-52.4**	**-35.0**	**33.2**	**89.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	22.0	2.53	2.87	6.27	-5.78
Tiền cuối kỳ	405	355	323	362	446

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic